UBND HUYỆN NAM SÁCH TRƯỜNG THCS MẠC THỊ BƯỞI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 132 /BC-THCS	*Nam Tân, ngày 25 tháng 9 năm 2024*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1089/UBND-TCKH ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách về việc triển khai thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 06/6/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Mạc Thị Bưởi xây dựng báo cáo thường niên năm 2024 về công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và công khai tài chính như sau:

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.Tên, địa chỉ, loại hình cơ sở giáo dục:

Tên trường: Trường THCS Mạc Thị Bưởi.

Địa chỉ: Thôn Đột Hạ - xã Nam Tân - huyện Nam Sách - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 02203 794 284

Hòm thư điện tử: c2macthibuoi@gmail.com

Website: *http://ns-thcsmacthibuoi.haiduong.edu.vn*

Trường THCS Mạc Thị Bưởi là đơn vị sự nghiệp dưới sự quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách. Trường thuộc trường hạng III.

2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trường được thành lập từ năm 1962, trải qua 62 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Uỷ ban nhân dân huyện Nam Sách, Phòng GD&ĐT huyện Nam Sách, Đảng ủy - UBND xã Nam Tân, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học

Được quét bằng CamScanner

sinh. Với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Mạc Thị Bưởi đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường đã và đang được Đảng ủy – UBND xã Nam Tân quan tâm, đầu tư xây dựng để đảm bảo đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn, khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Nhà trường có trang thiết bị đạt chuẩn. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng tôn tạo cảnh quan Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo của Sở GD & ĐT tỉnh Hải Dương, Phòng GD&ĐT huyện Nam Sách, thầy và trò trường THCS Mạc Thị Bưởi không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã Nam Tân. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn duy trì danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và nhiều năm được UBND huyện tặng Giấy khen. Năm 2019 nhà trường được Sở GD&ĐT Hải Dương cấp giấy chứng nhận KĐCLGD cấp độ 3. Năm 2020 nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã Nam Tân - Nam Sách - Hải Dương.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

Được quét bằng CamScanner

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Mạc Thị Bưởi được thành lập từ năm 1962, mang tên là Trường THCS Nam Tân. Ngày 5 tháng 9 năm 1997, trường được đổi tên thành Trường THCS Mạc Thị Bưởi.

4. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Ông Nguyễn Mạnh Thắng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đột Hạ - xã Nam Tân - huyện Nam Sách - tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0916 055 636

Địa chỉ thư điện tử: nguyenthangns@gmail.com

5. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường được thành lập năm 1962. Ngày 03/9/1997, UBND huyện Nam Sách ra quyết định số 151/QĐ-UB về việc đổi tên trường Mầm non, Tiểu học và THCS Nam Tân mang tên người Anh hùng Mạc Thị Bưởi. Từ ngày 05/9/997, trường THCS Nam Tân được đổi tên Trường THCS Mạc Thị Bưởi.

b, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được thành lập theo QĐ số 2200/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Nam Sách và được kiện toàn theo Quyết định số ../QĐ-UBND ngày ../../202.. của UBND huyện Nam Sách nhiệm kỳ 2021- 2026.

Hội đồng trường gồm 09 thành viên: Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh/Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Được quét bằng CamScanner

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Thắng	Hiệu trưởng	CTHĐ
2	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Chủ tịch Công đoàn	Phó CTHĐ
3	Đỗ Thị Huệ	Giáo viên	Thư ký
4	Nguyễn Văn Sự	Bí thư đoàn TN	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thập	Tổ trưởng tổ KHTN	Thành viên
6	Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng tổ VP	Thành viên
7	Trịnh Đại Dương	Phó CT UBND xã Nam Tân	Thành viên
8	Nguyễn Sĩ Hội	Đại diện Ban đại diện CMHS	Thành viên
9	Nguyễn Thị Phương Dung	Học sinh	Thành viên

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục;

* Hiệu trưởng: Nguyễn Mạnh Thắng

+ Sinh năm: 1976

+ Điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Mạc Thị Bưởi từ ngày 25/8/2020 theo Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND huyện Nam Sách.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 04 năm.

* Phó hiệu trưởng: Phạm Công Hòa

+ Ngày tháng năm sinh: 14/11/1976

+ Điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Mạc Thị Bưởi từ ngày 15/09/2021 theo quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 15 tháng 09 năm 2021 của Ủy ban nhân huyện Nam Sách.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 3 năm.

d, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

6. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo; kế hoạch và thông báo tuyển sinh của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có văn bản kèm theo).

Được quét bằng CamScanner

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được UBND huyện Nam Sách giao đầu năm 2024: 21

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1		0			1
Phó Hiệu trưởng	1		0		1	
Giáo viên	14	11	0		14	
Nhân viên	3	3	0		3	
Cộng	19	14	0		18	1

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Mạc Thị Bưởi năm học 2023-2024.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th.S	Đ H	CĐ	TC	Dưới TC	ạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số GV,CB,NV	19	0	1	17	0	1	0	4	9	1	12	1	1	0
I	**Giáo viên** Trong đó số GV dạy môn:	14	0	0	14	0	0	0	4	9	1	12	1	1	0
1	Toán	2			2										
2	Vật lý	1			1										
3	Hóa học	1			1										
4	Sinh học														
5	Công nghệ														
6	Tin														
7	Thể dục	1			1										
9	Mỹ thuật														
10	Ngữ văn	2			2										
11	Lịch sử	1			1										
12	Địa lý	1			1										
13	Tiếng Anh	2			2										
14	GDCD	1			1										
15	Âm nhạc	1			1										

Được quét bằng CamScanner

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th.S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
II	**Cán bộ QL**	**2**													
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1				
III	**Nhân viên**														
1	NV văn thư	1					1								
2	NV kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	NV thư viện	0													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													

III. VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Điểm trường

TT	Địa chỉ	Diện tích điểm trường (m^2)	Diện tích sân chơi (m^2)
Điểm trường	Đột Hạ - Nam Tân - Nam Sách - Hải Dương	4321	
Cộng tổng diện tích toàn trường		4321	
Diện tích toàn trường tính bình quân/01 học sinh: 13.05 m^2			

2. Phòng học

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m^2)	Bình quân (m^2/01 hs)
1	Phòng học kiên cố	07	426	1,31
2	Phòng học bán kiên cố	0		-
3	Phòng học tạm	0		-
4	Phòng học nhờ, mượn	0		-

Được quét bằng CamScanner

3. Phòng chức năng

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m^2)	Ghi chú
1	Phòng truyền thống	1	54	
2	Phòng Hội đồng	1	54	Lồng ghép với phòng đọc GV
3	Phòng Hiệu trưởng	1	22	
4	Phòng phó hiệu trưởng	1	15	
5	Phòng tổ chuyên môn	2	30	
6	Phòng Công đoàn	1	15	
7	Phòng Đoàn đội	1	15	
8	Phòng thư viện	2	134	Lồng ghép với phòng HĐ
9	Phòng kho đồ dùng, thiết bị	1	32,5	
10	Phòng tin học	1	56	
11	Phòng học ngoại ngữ	1	84	
12	Phòng học bộ môn KHTN	3	180	
13	Phòng đa chức năng	1	60	
14	Phòng Âm nhạc	1	84	
15	Phòng y tế	1	15	
16	Nhà kho	3	26	
17	Nhà đa năng	1	300	
18	Phòng bảo vệ	1	12	

4. Đồ dùng thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)

STT	Khối lớp	Danh mục đồ dùng, thiết bị dạy học hiện có	Số lượng	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu) /bộ
1	Khối lớp 6	Thiết bị, tranh ảnh	01	Đủ
2	Khối lớp 7	Thiết bị, tranh ảnh	01	Đủ
3	Khối lớp 8	Thiết bị, tranh ảnh	01	Đủ
4	Khối lớp 9	Thiết bị, tranh ảnh	01	Đủ

Được quét bằng CamScanner

5. Tổng số thiết bị tin học đang được sử dụng làm việc và phục vụ học tập

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)	Ghi chú
1	Máy tính xách tay	5	Đủ	
2	Máy tính bàn	13	Thiếu	
3	Ti vi	9	Đủ	
2	Đầu đĩa	/	/	
3	Loa máy tính	02	Đủ	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	Đủ	
5	Hệ thống loa lớp học	01	Đủ	
6	Bộ loa hội trường	01	Đủ	

6. Nhà vệ sinh

Danh mục nhà vệ sinh	Số lượng	Diện tích (m^2)	Diện tích bình quân/giáo viên/học sinh
Dùng cho giáo viên	2	24	1,26
Dùng cho học sinh	2	36	0.11
Đạt chuẩn vệ sinh theo quy định	2	2	
Chưa đạt chuẩn vệ sinh theo quy định	/	/	

7. Cơ sở vật chất, trang thiết bị khác

TT	Danh mục CSVC, trang thiết bị	Có	Không
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
2	Nguồn điện lưới	x	
3	Kết nối Internet	x	
4	Trang thông tin điện tử	x	
5	Tường rào xây	x	

Được quét bằng CamScanner

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Mạc Thị Bưởi đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Mạc Thị Bưởi đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện. Đồng thời thấy được ý nghĩa của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Mạc Thị Bưởi đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 09 thành viên với đầy đủ các thành phần: Ban giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn, Tổng phụ trách đội, các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nền nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc

Được quét bằng CamScanner

đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2. UBND xã Nam Tân đang có kế hoạch sớm xây 12 phòng học và các công trình phụ trợ đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 12/2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Mạc Thị Bưởi năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS thuộc địa bàn xã Nam Tân và các xã khác. - Đủ 11 tuổi (sinh năm 2013, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành chương trình Tiểu học). - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ: học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn xã Nam Tân và các xã khác. - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ: học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn xã Nam Tân và các xã khác. - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ: học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn xã Nam Tân và các xã khác. - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư số: TT58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2011 và TT26/2020 ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ: học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước. Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT. Đảm bảo đủ 10 môn học cùng với 2 hoạt động giáo dục đối với các khối 6,7,8 và 12 môn học đối với khối 9; Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống.			

Được quét bằng CamScanner

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định của UBND huyện Nam Sách, hoạt động theo đúng điều lệ trường THCS. - Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 3 thành viên, ban đại diện lớp có 3 thành viên. - Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT. - Có 01 phòng tin học với 13 máy tính, còn thiếu so với nhu cầu học tập của HS. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi, máy tính.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh có hạnh kiểm/rèn luyện (sau xét duyệt lại sau hè): + Giỏi/Tốt: 52 em = 16,2% + Khá: 129 em = 40,2% + Trung bình/Đạt: 139 em = 43,3% + Yếu/CĐ: 01 em = 0,3% - Học sinh có học lực/học tập (sau xét duyệt lại sau hè): + Tốt: 225 em = 70,1% + Khá: 71 em = 22,1% + Trung bình/Đạt: 24 em = 7,5% + Yếu/CĐ: 01 em = 0,3% - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường theo mùa, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; tuyên truyền không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh.

Được quét bằng CamScanner

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRƯỜNG THCS MẠC THỊ BƯỞI NĂM HỌC 2023-2024 (sau kiểm tra lại, rèn luyện lại sau hè).

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**321**	**104**	**67**	**79**	**71**	01 HSKT lớp 6 và 01 HSKT lớp 9 không đánh giá xếp loại
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	225	79	51	42	53	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	71	23	11	20	17	
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	25	2	5	17	1	
4	Yếu, CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0		
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**321**	**104**	**67**	**79**	**71**	
1	Giỏi, Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	52	16	11	12	13	01HSKT lớp 6 và 01 HS lớp 9 không đánh giá
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	129	42	25	27	35	
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	139	46	31	39	23	
4	Yếu, CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	1	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	320	104	67	78	71	K8: 1 LB
a	Học sinh giỏi, XS (tỷ lệ so với tổng số)	52	16	11	12	13	
b	Học sinh tiên tiến, Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35	0	0	0	35	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11	6	2	3	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	1	0	
4	Chuyển trường đi nơi khác	5	1	1	2	1	
5	Chuyển trường nơ khác đến	3	0	1	2	0	
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	

Được quét bằng CamScanner

IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG và các cuộc thi khác**	**26**	**2**	**2**	**16**	**6**	
1	Cấp huyện	18	2	1	9	6	
2	Cấp tỉnh	8	0	1	7	0	
3	Quốc gia, khu vực, quốc tế	0	0	0	0	0	
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	72	0	0	0	72	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	72	0	0	0	72	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13 HS (*17,8%*)	0	0	0	13 HS (*17,8%*)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39 HS (*53,4%*)	0	0	0	39 HS (*53,4%*)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	21 HS (28,8%)	0	0	0	21 HS (28,8%)	
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	173/150	56/49	35/32	47/32	35/37	Tính cả HSKT
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	1	0	0	1	0	

VI. THU - CHI TÀI CHÍNH NĂM 2023 (Năm trước liền kề)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm 2023

a, Thu - chi ngân sách nhà nước (kinh phí tự chủ + không tự chủ)

+ Ngân sách nhà nước giao năm 2023:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 3.055.768.900 đồng

Trong đó: + Dự toán giao đầu năm: 2.922.476.000 đồng

+ Dự toán bổ sung trong kỳ: 133.292.900 đồng

+ Quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

- Kinh phí quyết toán năm: 3.055.768.900 đồng

Trong đó chi ngân sách nhà nước theo nhóm:

- Chi thanh toán cá nhân: 2.474.583.200 đồng
- Chi về hàng hóa, dịch vụ: 503.120.800 đồng
- Chi các khoản khác: 78.064.900 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang kỳ sau sử dụng: 0 đồng

Được quét bằng CamScanner

b, Các khoản thu - chi ngoài ngân sách:

STT	Nội dung	Học kỳ II năm học 2022-2023	Học kỳ I năm học 2023-2024	Tổng cộng	Ghi chú... (mức thu)
I	**Các khoản thu dịch vụ**				
1	**Học phí**				
-	Dư đầu năm	191.321.800		191.321.800	
	Trong đó: để lại nguồn CCTL	191.306.000		191.306.000	
-	Số thu trong năm	122.400.000	148.980.000	271.380.000	85.000đ/hs/tháng
-	Chi trong năm	61.511.200	266.367.100	327.878.300	
	Trong đó: + Chi nộp thuế TNDN				
	+ Chi nguồn CCTL			235.640.000	
-	Số dư cuối năm			134.823.500	
	Trong đó: để lại nguồn CCTL			64.218.000	
2	**Trông giữ xe đạp**				
-	Dư đầu năm	5.985.000		5.985.000	
-	Số thu trong năm	5.440.000		5.440.000	10.000đ/hs/tháng
-	Chi trong năm	5.985.000	5.184.000	11.169.000	
	Trong đó + chi nộp thuế GTGT			272.000	
	+ Chi nộp thuế TNDN			272.000	
-	Số dư cuối năm			256.000	
3	**Dạy thêm, học thêm**				
-	Dư đầu năm	4.399.000		4.399.000	
-	Số thu trong năm	133.812.000	292.383.000	426.195.000	7.000đ/tiết học, 3 tiết/1 buổi
-	Chi trong năm	138.211.000	278.055.260	416.266.260	
	Trong đó chi nộp thuế TNDN	2.676.240	5.847.660	8.523.900	
-	Số dư cuối năm			14.327.740	
II	**Các khoản thu khác**				
1	**Tiền bảo hiểm y tế**				
-	Dư đầu năm		11.304.630	11.304.630	
-	Số thu trong năm		212.965.200	212.965.200	680.400 đ/hs/năm
-	Chi trong năm		224.269.830	224.269.830	
-	Số dư cuối năm				
2	**Tiền bảo hiểm thân thể**				
-	Dư đầu năm				

Được quét bằng CamScanner

-	Số thu trong năm		70.070.000	70.070.000	200.000 đ/hs/năm
-	Chi trong năm		70.070.000	70.070.000	
-	Số dư cuối năm				
3	**Tiền tin nhắn, sổ liên lạc điện tử**				
-	Dư đầu năm				
-	Số thu trong năm			21.910.000	70.000 đ/hs/năm
-	Chi trong năm			21.910.000	
-	Số dư cuối năm				
III	**Các khoản thu hộ, chi hộ**				
1	**Tiền sách, vở học sinh**				
-	Dư đầu năm				
-	Số thu trong năm		42.527.360	42.527.360	
-	Chi trong năm		42.527.360	42.527.360	
-	Số dư cuối năm				
2	**Tiền nước uống TK cho học sinh**				
-	Dư đầu năm				
-	Số thu trong năm		7.776.000	7.776.000	6.000đ/hs/tháng
-	Chi trong năm		7.753.200	7.753.200	
-	Số dư cuối năm			22.800	
3	**Tiền vệ sinh**				
-	Dư đầu năm				
-	Số thu trong năm		22.536.000	22.536.000	18.000đ/hs.tháng
-	Chi trong năm		22.536.000	22.536.000	
-	Số dư cuối năm				
IV	**Khoản thu tự nguyện**				
1	**Tiền tài trợ**				
-	Dư đầu năm				
-	Số thu trong năm	97.982.000		97.982.000	Tự nguyện
-	Chi trong năm	97.982.000		97.982.000	
-	Số dư cuối năm				

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với học sinh:

Năm 2023, nhà trường thực hiện chính sách về trợ cấp, miễn giảm học phí, học bổng theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021của Chính

Được quét bằng CamScanner

phù, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn giảm học phí và cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

Số tiền miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng cho học sinh trong năm 2023 là: 26.067.500 đồng.

Trong đó:

- Miễn, giảm học phí năm 2023 cho 9 HS với số tiền: 6247.500 đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập năm 2023 cho 6 HS với số tiền: 8.100.000 đồng
- Chi học bổng cho 1 học sinh số tiền: 11.720.000 đồng

3. Dự kiến thu các khoản đóng góp ngoài ngân sách năm học 2024-2025:

STT	Nội dung thu	Mức thu	Ghi chú
Các khoản nhà trường thực hiện thu - chi			
1	**Học phí**	- Thu 85.000đ/hs/tháng	- Bắt buộc - HS hộ nghèo. khuyết tật, được miễn; hs hộ cận nghèo được giảm 50%. Thu theo học kỳ.
2	**Bảo hiểm y tế**	- Thu: 884.520 đồng/ năm	- Bắt buộc đối với những HS chưa có thẻ BHYT. Thu theo năm. - Dự kiến thu th11/2024
3	**Trông giữ xe đạp, xe đạp điện.**	- Thu 10.000đ/HS/tháng	HS tự nguyện đăng ký . - Thu theo học kì.
4	**BH thân thể**	Mức thu 200.000 đ/HS/ năm; Giáo viên: 300.000đ/ GV/năm	- PH, HS tự nguyện đăng kí - Thu theo năm học vào tháng 10/2023
5	**Sổ liên lạc điện tử**	Thu 70.000đ/học sinh/ năm học	Thu theo năm học
6	**Tiền học thêm**	- Thu 7.000đ/tiết/học sinh.	- Chỉ thực hiện khi PHHS có đơn đề nghị, và khi được cấp trên phê duyệt hồ sơ. - Thu theo học kì và thu theo thực tế học sinh học.

Được quét bằng CamScanner

7	**Nước uống**	- Mức thu: 6.000đ/hs/tháng	Mua nước uống tinh khiết phục vụ học sinh. - Thu theo học kì.
8	**Lao động, vệ sinh**	- Mức thu: 18.000đ/hs/tháng	- Thu theo học kì.
9	**Tiền sách giáo khoa**	Theo đăng ký của PHHS và theo giá của công ty CP Sách Hải Dương.	PH,HS tự nguyện đăng kí.

4. Công tác công khai tài chính

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Mạc Thị Bưởi thực hiện công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023.

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024.

- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.

- Công khai kế hoạch, kết quả mua sắm.

- Thông báo công khai danh sách học sinh được trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

**** Số lớp:***

- Tổng số có **09** lớp học, tăng 01 lớp so với năm học trước.

**** Số học sinh:***

- Tổng số học sinh có **323** em, tăng **60** em so với năm học trước.

**** Chất lượng mũi nhọn***:

- Kết quả các cuộc thi cấp huyện:

+ Cuộc thi khảo sát chọn HSG lớp 8 cấp huyện đạt 02 giải Khuyến khích, trong đó: 01 môn Tiếng Anh và 01 môn Tin học.

Được quét bằng CamScanner

+ Cuộc thi Điền kinh : đạt 01 giải nhất, 03 giải ba; toàn đoàn đạt giải Ba.

+ Cuộc thi Cờ vua : đạt 01 giải Nhì, 04 giải Ba; toàn đoàn đạt giải Ba.

+ Cuộc thi Stem: đạt giải Nhì, được PGD cử đi dự thi cấp tỉnh.

+ Cuộc thi "Tiếng hát quê hương": đạt giải Khuyến khích

+ Cuộc thi IOE cấp Quốc gia: có 03 em được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành tốt kỳ thi

+ Cuộc thi thi Đấu trường Toán học VioEdu: có 04 em lọt vào vòng thi cấp tỉnh, tuy nhiên không có học sinh nào đạt huy chương.

- Kết quả cuộc thi cấp tỉnh:

+ Cuộc thi Robot: có 03 học sinh đạt giải Ba cấp tỉnh, được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen.

+ Cuộc thi Stem: có 05 học sinh đạt giải Xuất sắc cấp tỉnh, được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen.

**** Chất lượng hai mặt giáo dục:***

- ***Về Học lực:*** đảm bảo theo đúng chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

+ Số học sinh giỏi: 52 em = 16,2%

+ Số học sinh khá: 129 em = 40,2%

+ Số học sinh trung bình: 128 em = 39,9%

+ Số học sinh yếu: 12 em = 3,7%

- ***Về Hạnh kiểm:*** đảm bảo theo đúng chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

+ Hạnh kiểm Tốt: 225 em = 70,1%

+ Hạnh kiểm Khá: 71 em = 22,1%

+ Hạnh kiểm Trung bình 22 em = 6,9%

+ Hạnh kiểm Yếu: 3 em = 0,9%

**** Kết quả xét tốt nghiệp:***

- Số học sinh tốt nghiệp THCS: 73/73 em, đạt tỷ lệ 100%.

**** Kết quả thi vào lớp 10:***

- Số tham gia đăng ký dự thi vào lớp 10 là: 41

- Số học sinh thi đỗ Nguyện vọng 1 là: 36/41 = 87,80% tăng 15,46% so với năm học trước.

- Tổng số học sinh thi đỗ vào THPT công lập: 38/41 = 92,7% tăng 20,4% so với năm học trước.

Kết quả chung:

Được quét bằng CamScanner

+ Cấp huyện: Xếp thứ 3/20 trường, sau Trường THCS chuyên Nguyễn Trãi và Trường THCS Thái Tân, tăng 9 bậc so với năm học trước.

+ Cấp tỉnh: xếp thứ 80/251 trường, là một trong ba trường của huyện Nam Sách lọt vào tốp 100 của tỉnh.

Đây là kết quả mang tính đột phá, chưa từng đạt được trong lịch sử xếp thứ tự thi vào lớp 10 của nhà trường.

**** Chất lượng đội ngũ:***

- 100% CB, GV, NV đạt chuẩn về trình độ đào tạo, 01 đạt trên chuẩn, tỷ lệ 5,2%. Có 11/13 giáo viên giỏi cấp trường, đạt tỷ lệ 84,6%. Có 01 giáo viên giỏi cấp huyện, tỷ lệ đi thi đạt 100%.

- Phong trào học tập, lao động sáng tạo và nghiên cứu khoa học: có 5/5 sáng kiến được Hội đồng khoa học cấp huyện xét, công nhận đạt cấp cơ sở, tỷ lệ dự xét đạt 100%.

**** Kết quả thi đua:***

- Tập thể nhà trường đạt danh hiệu: Tập thể Lao động tiên tiến, được UBND huyện tặng Giấy khen

- Số cán bộ, giáo viên được GĐ Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 02

- Số cán bộ, giáo viên đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 02

- Số cán bộ, giáo viên được UBND huyện tặng Giấy khen: 07

- Số học sinh được GĐ Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 08

- Số học sinh được UBND huyện tặng Giấy khen: 07

**** Công tác xây dựng cơ sở vật chất:***

Được sự quan tâm của các cấp quản lý giáo dục và Hội CMHS nhà trường, trong năm học 2023-2024, tổng số kinh phí do nhà nước cấp và các nguồn tài trợ của Hội cha mẹ học sinh, cựu học sinh qua các thời kỳ đã đầu tư cho sửa chữa CSVC, mua sắm thêm máy móc, thiết bị với tổng trị giá là: 266.253.200 đồng. Đã góp phần không nhỏ để ngày một hoàn thiện CSVC theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, cải tạo cảnh quan môi trường luôn xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

B. HÌNH THỨC CÔNG KHAI

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai bằng hình thức niêm yết, thông báo, đăng tải trên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về

Được quét bằng CamScanner

chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi cho con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và công khai tài chính của trường THCS Mạc Thị Bưởi.

Nơi nhận:
- Thực hiện công khai;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ MẠC THỊ BƯỞI

Nguyễn Mạnh Thắng

Được quét bằng CamScanner